Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6804.22.00

Mã HS	6804.22.00
Mô tả hàng hóa	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác / - Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự: / - - Bằng vật liệu mài đã được kết khối hoặc bằng gốm khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 08:25:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/68042200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10174
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10174
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10174
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9668
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9619
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9619
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9619
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9619
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9619
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9619
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9671
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9671
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9671
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9671

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9671
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9671
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9672
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9672
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9672
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9672
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9672
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9672
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9673
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9625
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9631
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9631
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9631
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9631
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9631
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9631
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9656
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9656
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9656
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9656
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9656
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9656
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9703
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9703
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9703
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9703
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9703
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9682
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9682
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9682
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9682
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9682
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9682
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D9694
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E9694
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F9694
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G9694
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H9694
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I9694
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D9705
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E9705
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F9705
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9705
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9705
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9705
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D9704
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E9704
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F9704
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9704
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9704
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9704

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9651
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9651
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9651
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9651
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9651
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9651
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9651
RCEP A	2022	2022	20	RCEPT-A!D9688
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E9688
RCEP A	2024	2024	20	RCEPT-A!F9688
RCEP A	2025	2025	20	RCEPT-A!G9688
RCEP A	2026	2026	20	RCEPT-A!H9688
RCEP A	2027	2027	20	RCEPT-A!I9688
RCEP B	2022	2022	20	B!D9688
RCEP B	2023	2023	20	B!E9688
RCEP B	2024	2024	20	B!F9688
RCEP B	2025	2025	20	B!G9688
RCEP B	2026	2026	20	B!H9688
RCEP B	2027	2027	20	B!I9688
RCEP C	2022	2022	20	C!D9688
RCEP C	2023	2023	20	C!E9688
RCEP C	2024	2024	20	C!F9688
RCEP C	2025	2025	20	C!G9688
RCEP C	2026	2026	20	C!H9688
RCEP C	2027	2027	20	C!I9688
RCEP D	2022	2022	20	D!D9687

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	20	D!E9687
RCEP D	2024	2024	20	D!F9687
RCEP D	2025	2025	20	D!G9687
RCEP D	2026	2026	20	D!H9687
RCEP D	2027	2027	20	D!I9687
RCEP E	2022	2022	20	E!D9691
RCEP E	2023	2023	20	E!E9691
RCEP E	2024	2024	20	E!F9691
RCEP E	2025	2025	20	E!G9691
RCEP E	2026	2026	20	E!H9691
RCEP E	2027	2027	20	E!I9691
RCEP F	2022	2022	20	F!D9688
RCEP F	2023	2023	20	F!E9688
RCEP F	2024	2024	20	F!F9688
RCEP F	2025	2025	20	F!G9688
RCEP F	2026	2026	20	F!H9688
RCEP F	2027	2027	20	F!I9688
VIFTA	2024	2024	16	VI!F8964
VIFTA	2025	2025	12	VI!G8964
VIFTA	2026	2026	8	VI!H8964
VIFTA	2027	2027	4	VI!I8964

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 20%, RCEP (Phụ lục B) 20%, RCEP (Phụ lục C) 20%, RCEP (Phụ lục D) 20%, RCEP (Phụ lục E) 20%, RCEP (Phụ lục F) 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6804.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6804.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10174), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.